

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 63/2018/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 11 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 2191/TTr-UBND ngày 21/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Nghị quyết quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai tổ chức thực hiện; đồng thời, trình Thường trực HĐND tỉnh công bố hết hiệu lực Nghị quyết số 09/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm và quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Nghị quyết số 03/2013/NQ-HĐND ngày 11/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 09/2009/NQ-HĐND ngày 09/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm và quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Thường trực HĐND, các Ban và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 11/7/2018 và có hiệu lực kể từ ngày 21/7/2018./.

CHỦ TỊCH

Trần Trí Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê và xử lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Trà Vinh.

2. Tài sản công theo quy định này bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

c) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, trang thiết bị làm việc;

d) Quyền sở hữu trí tuệ, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu và các tài sản vô hình khác;

đ) Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

3. Các tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy các huyện, thị xã, thành phố là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (*gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị*).

2. Doanh nghiệp, tổ chức cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc đối tượng áp dụng tại quy định này

gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thực hiện theo phân cấp của bộ, cơ quan trung ương;

b) Các cơ quan của Đảng ở Tỉnh ủy là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy thực hiện theo phân cấp của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 3. Cơ quan, người có thẩm quyền được phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, xử lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp huyện*); Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp xã*).

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh và thủ trưởng cơ quan, tổ chức tương đương; thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh (*sau đây gọi là đơn vị dự toán cấp tỉnh*).

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp dưới trực tiếp của các đơn vị dự toán cấp tỉnh (*sau đây gọi là đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh*).

4. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện và thủ trưởng cơ quan, tổ chức tương đương; thủ trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện (*sau đây gọi là đơn vị dự toán cấp huyện*).

Điều 4. Nội dung phân cấp thẩm quyền về tài sản công

1. Mua sắm tài sản.
2. Thuê tài sản.
3. Thu hồi tài sản.
4. Điều chuyển tài sản.
5. Bán tài sản.
6. Thanh lý tài sản.
7. Tiêu hủy tài sản.
8. Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP

Điều 5. Thẩm quyền mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với các loại tài sản công như sau (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*):

a.1) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, **xe ô tô**;

a.2) Các phương tiện vận tải khác xe ô tô (gồm tàu, thuyền, canô,...); tài sản thực hiện theo hình thức mua sắm tập trung của tỉnh;

a.3) Danh mục tài sản đề nghị mua sắm có mức giá dự toán từ 500 triệu đồng trở lên;

b) Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh tại Điểm a, thẩm quyền mua sắm tài sản công khác như sau:

b.1) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định mua sắm tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với danh mục tài sản đề nghị mua sắm có mức giá dự toán dưới 500 triệu đồng (*trừ quy định tại tiết b.2 điểm b khoản này và khoản 3 Điều này*);

b.2) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh, thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định mua sắm đối với danh mục tài sản đề nghị mua sắm có mức giá dự toán dưới 100 triệu đồng để phục vụ hoạt động tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có); riêng thủ trưởng các Bệnh viện tuyến tỉnh, Bệnh viện đa khoa khu vực, các Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế và các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định đối với danh mục tài sản đề nghị mua sắm có mức giá dự toán dưới 500 triệu đồng (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*).

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này như sau:

a) Mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao và quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy;

b) Mua sắm tài sản từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện;

c) Ngoại trừ việc mua sắm có sử dụng ngân sách nhà nước thì thẩm quyền mua sắm các loại tài sản tại tiết a.2, a.3 điểm a và điểm b khoản 2 Điều này không áp dụng đối với mua sắm từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động sử dụng theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư;

d) Mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của dự án.

Điều 6. Thẩm quyền thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản như sau (*trừ quy định*

tại khoản 3 Điều này):

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Danh mục tài sản đề nghị thuê khác có dự toán tiền thuê từ 100 triệu đồng trở lên.

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thuê của Chủ tịch UBND tỉnh tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền thuê tài sản khác như sau:

a) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thuê tài sản đối với danh mục tài sản đề nghị thuê có dự toán tiền thuê dưới 100 triệu đồng (*trừ quy định tại điểm b khoản này và khoản 3 Điều này*);

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh, thủ trưởng đơn vị dự toán cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thuê tài sản đối với danh mục tài sản đề nghị thuê có dự toán tiền thuê dưới 20 triệu đồng để phục vụ hoạt động tại cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có) (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*).

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao và quỹ dự trữ của ngân sách Đảng để phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy;

b) Thuê tài sản từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng để phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện;

c) Ngoại trừ việc thuê tài sản có sử dụng ngân sách nhà nước thì thẩm quyền thuê các loại tài sản tại khoản 1, khoản 2 Điều này không áp dụng đối với thuê tài sản từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động sử dụng theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư;

d) Thuê tài sản phục vụ hoạt động của dự án.

Điều 7. Thẩm quyền thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi các loại tài sản công như sau (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*):

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thu hồi của Chủ tịch UBND tỉnh tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền thu hồi tài sản khác như sau:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán cấp tỉnh (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*);

b) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán cấp huyện và của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*).

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Thu hồi tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy;

b) Thu hồi tài sản được hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện.

Điều 8. Thẩm quyền điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý của tỉnh đối với các loại tài sản công như sau (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*):

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định điều chuyển của Chủ tịch UBND tỉnh tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền điều chuyển các loại tài sản khác có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản như sau:

a) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị dự toán cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố Trà Vinh (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*);

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc; giữa các đơn vị dự toán trực thuộc;

c) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị dự toán cấp huyện; giữa cấp huyện và cấp xã; giữa các xã, phường, thị trấn thuộc địa phương mình quản lý (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*).

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy; điều chuyển tài sản từ các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy sang Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện;

b) Điều chuyển tài sản từ các cơ quan đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện sang các cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy.

Điều 9. Thẩm quyền bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán các loại tài sản công như sau (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*):

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định bán của Chủ tịch UBND tỉnh và các quy định tại khoản 3 Điều này, thẩm quyền bán tài sản công khác như sau:

a) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bán tài sản thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ quy định tại điểm b khoản này*);

b) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh, thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp huyện, chủ tịch UBND cấp xã quyết định bán tài sản do đơn vị mình quản lý, sử dụng và tài sản của đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có) đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy;

b) Tài sản hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện;

c) Thẩm quyền bán tài sản công tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này không áp dụng đối với tài sản hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 10. Thẩm quyền thanh lý tài sản công

1. Đối với tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất.

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản của đơn vị dự toán cấp tỉnh và các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh; tài sản của cấp huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ kế toán từ 1 (một) tỷ đồng trở lên;

b) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thanh lý đối với tài sản của đơn vị dự toán cấp huyện và tài sản của cấp xã thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 1 (một) tỷ đồng.

2. Đối với tài sản công khác:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản sau:

a.1) Xe ô tô;

a.2) Tài sản công khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý của Chủ tịch UBND tỉnh và các quy định tại khoản 3 Điều này, thẩm quyền thanh lý tài sản công khác như sau:

b.1) Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thanh lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (*trừ quy định tại tiết b.2 điểm b khoản này*);

b.2) Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh, thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp huyện, chủ tịch UBND cấp xã quyết định thanh lý tài sản do đơn vị mình quản lý, sử dụng và tài sản của các đơn vị dự toán trực thuộc (nếu có) đối với tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy;

b) Tài sản hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện;

c) Thẩm quyền tại điểm b khoản 2 Điều này không áp dụng đối với tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 11. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công của các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách tỉnh (*trừ tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy*).

2. Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện, xã (*trừ tài sản hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện*).

Điều 12. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý đối với các loại tài sản công như sau (*trừ quy định tại khoản 3 Điều này*):

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô;

c) Tài sản công khác của các đơn vị dự toán cấp tỉnh; tài sản của các đơn vị trực thuộc đơn vị dự toán cấp tỉnh và tài sản của cấp huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Trừ các tài sản thuộc thẩm quyền quyết định xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh;

thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp tỉnh, chủ tịch UBND cấp huyện quyết định xử lý tài sản của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Các trường hợp không áp dụng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này như sau:

a) Tài sản phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng tỉnh ủy;

b) Tài sản hình thành từ nguồn quỹ dự trữ của ngân sách Đảng phục vụ hoạt động tại cơ quan của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức, triển khai thực hiện Quy định này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện Quy định theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định./.

CHỦ TỊCH

Trần Trí Dũng